

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 02 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông La Minh C (La Thành C), sinh năm 1965; cư trú tại: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Dương Hồng G, sinh năm 1965; cư trú tại: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông La Minh C, thể hiện:*

Ông C và bà Dương Hồng G chung sống với nhau vào năm 1986, đến năm 2001 đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống đến năm 2020 thì xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cư xử ở gia đình và ngoài xã hội nên dẫn đến nhiều cuộc cãi vã và xúc phạm lẫn nhau; bà G đã có cách sống riêng cho bản thân khoảng 5 - 6 tháng nay. Từ nguyên nhân đó, ông C xác định cuộc sống không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn để quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với bà G.

Quá trình chung sống có 02 người con chung, gồm: La Thu D, sinh năm 1986 và La Quốc V, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành nên khi ly hôn, ông C không có yêu cầu gì về vấn đề này.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà xây dựng cơ bản kích thước 8m x 33m trên diện tích đất 1.300m² tại khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Giá trị nhà cũng như trang trí nội thất là 3.000.000.000 đồng, giá trị đất là 3.000.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông C và bà G thoả thuận để lại cho các con và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống có thiếu chị Trần Trúc L, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đầm D1, tỉnh Cà Mau số tiền 350.000.000 đồng. Theo ông C xác định, đây là khoản nợ của riêng của ông nên ông sẽ thoả thuận trả nợ với chị L và không yêu cầu Tòa án giải quyết (theo ông C xác định đã thanh toán xong). Các khoản nợ khác bà G đặt ra ông hoàn toàn không biết.

** Lời trình bày tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 20 tháng 12 năm 2021 của bà Dương Hồng G thể hiện:*

Về hôn nhân: Bà G không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C.

Về con chung đã trưởng thành nên khi ly hôn bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Có tài sản như ông C xác định, khi ly hôn bà G thống nhất thoả thuận với ông C để lại cho các con hưởng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác: Quá trình chung sống có nợ một số người, gồm:

- Bà Dương Thị T, địa chỉ: số y, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau số tiền 700.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị K, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau tổng số tiền là 1.470.000.000 đồng (tiền mượn, tiền hụi) và 03 lượng vàng 24k.

- Bà Dương Huỳnh M, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau số tiền là 300.000.000 đồng.

- Tiệm vàng Nguyễn Xuân H, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau số tiền là 450.000.000 đồng.

- Bà Huỳnh Hồng C, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau số tiền 180.000.000 đồng.

- Bà Phạm Tuyết X, địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau 02 lượng vàng 24k và 50.000.000 đồng.

- Bà Lê Mỹ H, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau số tiền hụi 450.000.000 đồng.

- Bà Huỳnh Cẩm L, địa chỉ: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau tổng số tiền 620.000.000 đồng (tiền mượn, tiền hụi).

- Bà Nguyễn Ngọc Gi, địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau số

tiền 250.000.000 đồng.

Theo bà G, đây là các khoản nợ chung của vợ chồng nên yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm trả cho các chủ nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Trúc L, bà Dương Thị T, bà Trần Thị K, bà Dương Huỳnh M, Tiệm vàng Nguyễn Xuân H, bà Huỳnh Hồng C, bà Phạm Tuyết X, bà Lê Mỹ H, bà Huỳnh Cẩm L và bà Nguyễn Ngọc Gi: Quá trình giải quyết vụ án, ông La Minh C xác định có thiếu khoản nợ riêng của chị L; bà Dương Hồng G xác định có thiếu nợ các đương sự còn lại - là khoản nợ chung của bà và ông C nên Tòa án đã đưa các đương sự vào tham gia tố tụng trong vụ án. Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ nhưng các chủ nợ không thực hiện quyền khởi kiện đối với yêu cầu độc lập trong vụ án này nên các đương sự này không còn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Bà G đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà G là đúng quy định.

[3] Ông C và bà G chung sống với nhau vào năm 1986, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau vào năm 2001. Theo ông C, khi về chung sống đến năm 2020 thì xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cư xử ở gia đình và ngoài xã hội nên dẫn đến nhiều cuộc cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Bà G không có ý kiến gì về mâu thuẫn mà ông C đưa ra nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C.

Xét yêu cầu của ông C, thấy rằng: Hôn nhân của ông C và bà G có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, ông C yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử bà G đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc bà G không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông C ly hôn với bà G là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; khi có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Minh C (La Thành C). Cho ông C được ly hôn với bà Dương Hồng G.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011745 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (ông C đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn